

Số: /QĐ-TTTV-QLG

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận lưu hành giống cây trồng
CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-BNNMT ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Quyết định số 1818/QĐBNNMT ngày 30/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi một số điều có liên quan đến nhiệm vụ và tổ chức thanh tra tại các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ đề nghị của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển lúa lai - Viện Cây lương thực, Cây thực phẩm tại văn bản ngày 16/12/2025 về việc cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Giống cây trồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận lưu hành giống lúa lai HYT315:

Mã số lưu hành: CNLH.2025.98;

Tổ chức đăng ký lưu hành: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển lúa lai - Viện Cây lương thực, Cây thực phẩm;

Phạm vi lưu hành: Vụ Xuân và vụ Mùa tại các tỉnh Đồng bằng sông Hồng, Trung du miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ;

Thời gian lưu hành: 10 năm kể từ ngày ký Quyết định;

Thông tin về giống được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được công nhận lưu hành và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến giống cây trồng được công nhận lưu hành nêu trên để áp dụng vào sản xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các đơn vị thuộc Cục; tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được công nhận lưu hành, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục trưởng (để b/c);
- Trung tâm KKN Giống, SPCT QG;
- VP Cục (để đăng tải lên Website Cục);
- BPMC (trả kết quả cho đơn vị);
- Lưu: VT, QLG.(PVT)

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hương

Phụ lục
MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ GIỐNG LÚA LAI HYT315
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTTV-QLG ngày tháng năm 2025
của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Tên tổ chức đăng ký công nhận lưu hành: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển lúa lai - Viện Cây lương thực, Cây thực phẩm.

Địa chỉ: Xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02436875142 Fax: 02436875875

Tác giả: Lê Hùng Phong, Lê Diệu My, Nguyễn Văn Năm, Nguyễn Quang Bình - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển lúa lai - Viện Cây lương thực, Cây thực phẩm.

Công bố các thông tin về giống cây trồng cụ thể như sau:

1. Tên giống cây trồng: Giống lúa lai HYT315

2. Thông tin về giống lúa lai HYT315:

2.1. Đặc tính giống cây trồng:

2.1.1. Đặc tính của giống lúa lai ba dòng HYT315 qua kết quả khảo nghiệm diện hẹp, khảo nghiệm diện rộng:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính hoặc điểm	Mức độ biểu hiện
1. Sức sống của mạ	5	Trung bình
2. Độ dài giai đoạn trỗ	1-5	Tập trung - Trung bình
3. Độ thuần đồng ruộng	1	Cao
4. Độ thoát cổ bông	1	Thoát hoàn toàn
5. Độ cứng cây	1	Cứng
6. Độ tàn lá	1-5	Muộn - Trung bình
7. Độ rụng hạt	1-5	Khó rụng - Trung bình
8. Thời gian sinh trưởng	Ngày	Vụ Xuân: 125-132, Vụ Mùa: 104-110.
9. Chiều cao cây	cm	102-125
10. Số bông hữu hiệu	Bông/khóm	5,9-7,6
11. Số hạt chắc trên bông	hạt/bông	137-170
12. Tỷ lệ lép	%	5,4-16,0
13. Khối lượng 1000 hạt	Gam	26,7-29,2
14. Năng suất hạt	tạ/ha	Vụ Xuân: 50,4-93,8 Vụ Mùa: 51,8-66,9
15. Chất lượng thóc gạo:		
15.1. Chất lượng xay xát		
Tỷ lệ gạo lật	%	79,1-81,45
Tỷ lệ gạo xát	%	67,01-71,83
Tỷ lệ gạo nguyên	%	41,42-67,45
Dài hạt gạo	mm	7,0-7,6
Tỷ lệ D/R		2,9-3,3

15.2. Chất lượng gạo		
Độ trắng bạc		Bạc trung bình
Hàm lượng amylose	%CK	12,06-13,51
Độ bền gel		Mềm
Nhiệt độ hóa hồ		Trung bình
16. Chất lượng cơm:		
Mùi thơm	2,1-3,4	Có mùi cơm, hương thơm kém đặc trưng - thơm nhẹ, khá đặc trưng
Độ mềm	4,0	Mềm
Vị ngon	3,0 - 3,4	Khá ngon
Màu sắc cơm	5,0	Trắng

b) Đặc tính của giống qua kết quả khảo nghiệm kiểm soát:

- Bệnh đạo ôn: Nhiễm vừa (cấp bệnh 5/9) đối với nguồn nấm bệnh đạo ôn đại diện cho các tỉnh Đồng bằng sông Hồng, Trung du miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ.

- Bệnh bạc lá: Nhiễm (cấp bệnh 7/9) với nguồn bệnh bạc lá đại diện cho các tỉnh Đồng bằng sông Hồng, Trung du miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ.

- Rầy nâu: Nhiễm vừa (cấp hại 5/9) đối với nguồn rầy nâu đại diện cho các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc. Nhiễm (cấp hại 7/9) đối với nguồn rầy nâu đại diện cho các tỉnh Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ.

2.2. Vật liệu nhân giống: Phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia.

2.3. Hướng dẫn bảo quản và sử dụng.

a) Hướng dẫn bảo quản:

- Hạt giống trước khi đưa vào bảo quản phải sạch tạp chất, độ ẩm <12%. Hạt giống được đóng bao quy cách (về khối lượng tịnh, chất liệu bao bì...) và bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, đảm bảo không có sự xâm nhập gây hại của côn trùng, chim, chuột.

- Không để chung hạt giống với lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc và vật tư nông nghiệp khác.

- Trong quá trình bảo quản phải thường xuyên kiểm tra tình trạng của lô giống, định kỳ kiểm tra chất lượng, kiểm tra độ ẩm của hạt giống, tỷ lệ nảy mầm, mật độ sâu mọt... để có biện pháp xử lý kịp thời.

b) Hướng dẫn sử dụng:

- Thời vụ gieo trồng: Thích hợp gieo trồng vụ Xuân và vụ Mùa.

- Vùng sản xuất: Các tỉnh Đồng bằng sông Hồng, Trung du miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ.

3. Thông tin cảnh báo an toàn:

- Tuân thủ thời vụ gieo trồng theo khuyến cáo của đơn vị tác giả và hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan quản lý chuyên môn địa phương.

- Tham khảo đặc tính giống trên tài liệu để chăm sóc và quản lý dịch hại hiệu quả.

- Bón phân cân đối, bón theo khuyến cáo của nhà sản xuất và quy trình kỹ thuật canh tác của giống.

- Thường xuyên kiểm tra các loại sâu bệnh, phát hiện sớm và phòng trừ kịp thời theo hướng dẫn của cơ quan Bảo vệ thực vật địa phương./.